

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01-7-2004
của Bộ Chính trị khoá IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội
và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du
và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020

Tại phiên họp ngày 05-7-2012, sau khi xem xét báo cáo kết quả tổng kết 6 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01-7-2004 của Bộ Chính trị khoá IX "Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010" của Ban Chỉ đạo tổng kết, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận :

1- Về tình hình thực hiện Nghị quyết

1.1- Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX được ban hành kịp thời, đánh giá đúng đặc điểm, vị trí quan trọng, tiềm năng, lợi thế, những khó khăn, thách thức và xác định rõ hướng phát triển của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; đã được các tỉnh uỷ trong vùng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, từng bước đi vào cuộc sống và đã đạt được những kết quả quan trọng. Nổi bật là :

Bước đầu đã phát huy được tiềm năng, lợi thế để phát triển, kinh tế tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 11,57%, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra và cao hơn mức bình quân chung của cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực (tăng dần tỉ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỉ trọng nông nghiệp). Nông nghiệp phát triển khá toàn diện, hình thành một số vùng sản xuất hàng hoá, vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến và đảm bảo an ninh lương thực. Công nghiệp phát triển nhanh, khai thác tốt tiềm năng về khai khoáng, thủy điện, chế biến lâm sản, tạo động lực cho chuyển đổi cơ cấu và nâng cao hiệu quả kinh tế. Thương mại, dịch vụ được mở rộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đời sống và sản xuất. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 23%/năm. Thu ngân sách tăng bình quân 29,31%/năm. Tổng đầu tư toàn xã hội đạt khá, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị được quan tâm, nhiều công trình trọng điểm ghi trong Nghị quyết đã và đang được thực hiện. Công tác di dân, tái định cư các dự án thủy điện bước đầu đạt kết quả tốt.

Các lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên; công tác phát triển nguồn nhân lực được chú trọng; an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm đạt kết quả khá.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; công tác quốc phòng, an ninh được tăng cường. Hệ thống chính trị các cấp, nhất là ở cơ sở không ngừng được củng cố, kiện toàn và từng bước nâng cao chất lượng hoạt động.

1.2- Tuy nhiên, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu quan trọng, cấp bách của vùng, có 5 mục tiêu quan trọng Nghị quyết đề ra chưa đạt; chưa tạo được sự chuyển biến căn bản, đột phá quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của toàn vùng. Quy mô kinh tế còn nhỏ bé, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, tính liên kết thấp, chủ yếu sản phẩm thô, hiệu quả chưa cao. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều yếu kém, đến nay chưa xây dựng và phê duyệt được quy hoạch vùng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều yếu kém, nhiều dự án triển khai chậm so với yêu cầu.

Công tác giáo dục - đào tạo chuyển biến chậm; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào vùng cao, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, khoảng cách về mức sống của nhân dân chưa được thu hẹp so với các vùng khác.

Quản lý hoạt động tôn giáo, dân tộc, nhất là đối với đạo Tin Lành còn nhiều lúng túng; tình trạng dân di cư tự do gắn với truyền đạo trái pháp luật, kích động ly khai, tự trị, tuyên truyền thành lập "Vương quốc Mông" diễn biến phức tạp hơn; tệ nạn và tội phạm ma tuý đang là những vấn đề bức xúc cần hết sức quan tâm. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố phức tạp, gây mất ổn định. Năng lực hoạt động của hệ thống chính trị vẫn còn nhiều hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan là do điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ mang tính đặc thù, có nhiều khó khăn; các thế lực thù địch tập trung chống phá thông qua các chiêu bài lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, đặc biệt là ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhưng chủ yếu là do một số nguyên nhân chủ quan : Việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 37-NQ/TW ở một số bộ, ngành và địa phương chưa thật sự sâu rộng; nhận thức về ý nghĩa chiến lược, tầm quan trọng, tính cấp bách của Nghị quyết chưa đầy đủ, đồng đều. Cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng chưa được ban

hành kịp thời, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đề ra. Một số cấp uỷ, chính quyền địa phương còn thiếu chủ động, sáng tạo, chưa phát huy cao độ vai trò của người dân và doanh nghiệp trong phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo. Sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành Trung ương và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhiều lúc, nhiều nơi chưa kịp thời; tính liên kết còn nhiều hạn chế; một số bộ, ngành của Trung ương chưa quan tâm đúng mức đến vùng Tây Bắc, chưa đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với đặc điểm vùng.

2- Phương hướng đến năm 2020

Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX đến nay cơ bản vẫn phù hợp; Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh uỷ trong vùng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng uỷ trực thuộc Trung ương cần tiếp tục tổ chức thực hiện đến năm 2020, tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt một số vấn đề chủ yếu sau đây :

2.1- Nhận thức rõ vị trí, vai trò của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ

Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ được mở rộng gồm : Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang và các huyện phía tây của các tỉnh : Thanh Hoá, Nghệ An, là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước, có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ; có tiềm năng, lợi thế phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và kinh tế cửa khẩu; có nhiều đồng bào các dân tộc cùng sinh sống gắn bó lâu đời với bản sắc văn hoá riêng, có truyền thống yêu nước, đoàn kết, kiên cường chống ngoại xâm; trên địa bàn có nhiều di tích lịch sử, văn hoá, căn cứ cách mạng. Tuy vậy, đây vẫn là vùng nghèo và khó khăn nhất cả nước. Xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ vững mạnh toàn diện vừa là yêu cầu, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc trong vùng, vừa là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh lâu dài của đất nước.

2.2- Mục tiêu tổng quát đến năm 2020

Tiếp tục duy trì nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn nhịp độ phát triển chung của cả nước; cải thiện rõ rệt và đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, dân sinh và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng; đẩy mạnh khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, thủy điện,

khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu để phát triển kinh tế, từng bước thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống của người dân trong vùng so với mức bình quân chung của cả nước; cơ bản hoàn thành sắp xếp ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào tái định cư, đưa dân trở lại biên giới, khắc phục cơ bản tình trạng dân di cư tự do; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

2.3- Các nhiệm vụ chủ yếu

a) Về phát triển kinh tế

- Tiếp tục thực hiện các quan điểm, định hướng về phát triển kinh tế của vùng được nêu trong Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của kinh tế vùng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội; phấn đấu đến năm 2020 GDP bình quân/người đạt 2.000 USD. Coi trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, tăng nhanh hàm lượng công nghệ, giảm nhanh tỉ trọng xuất khẩu các sản phẩm thô, không qua chế biến. Hình thành một số sản phẩm chủ yếu, có thương hiệu trong cả nước và có khả năng cạnh tranh quốc tế trong các lĩnh vực điện, phân bón, hoá chất, luyện kim, dược liệu, nông, lâm sản; tiết kiệm tài nguyên, an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường sinh thái. Ưu tiên phát triển và hiện đại hoá các ngành dịch vụ, du lịch, thương mại, vận tải, giáo dục, y tế ở những nơi có tiềm năng, lợi thế, nhất là ở các khu kinh tế cửa khẩu; khuyến khích phát triển, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào.

b) Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 37-NQ/TW và một số nhiệm vụ, mục tiêu mới được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, trong đó, ưu tiên hàng đầu việc xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ, tạo cơ sở liên kết vùng để phát triển nhanh kinh tế - xã hội của vùng và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các tuyến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn), Hà Nội - Lào Cai, Hoà Lạc - Hoà Bình; triển khai xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, một số tuyến đường kết nối các tỉnh với các tuyến đường cao tốc, các tuyến đường vành đai, đường đến cửa khẩu, đường tuần tra biên giới. Cải tạo, nâng cấp

các tuyến đường sắt hiện có trong vùng. Tổ chức quản lý và khai thác tốt các tuyến đường thủy trên sông, trên hồ trong vùng.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, đặc biệt là các công trình thủy lợi có quy mô nhỏ và vừa, các công trình kè bờ sông biên giới, cấp thoát nước, hệ thống truyền tải điện, bưu chính - viễn thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

- Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các đô thị đã được xác định trong Nghị quyết số 37-NQ/TW, các thành phố, thị xã mới được bổ sung vào vùng; chú ý xây dựng hạ tầng các cụm dân cư, thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã gắn với việc bố trí, sắp xếp lại dân cư trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng các nhà máy thủy điện lớn trong vùng và chương trình xây dựng nông thôn mới, các xã dọc tuyến biên giới Việt - Trung, Việt - Lào.

- Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi hơn, tập trung huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình, dự án, mục tiêu ghi trong Nghị quyết số 37-NQ/TW và các nghị quyết khác của Trung ương, của Chính phủ.

c) Về phát triển văn hoá - xã hội

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ bản các thiết chế văn hoá cơ sở, coi trọng việc gìn giữ và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, xoá bỏ các tập tục lạc hậu. Phân đấu đến năm 2020, nhân dân các thôn, bản trong vùng đều được nghe đài và xem Truyền hình Việt Nam; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc.

- Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các địa phương trong vùng, đặc biệt ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ hệ thống chính trị cơ sở. Đầu tư phát triển nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, hoàn thành cơ bản chương trình kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học và các cơ sở dạy nghề trong vùng. Phân đấu đến năm 2020 tỉ lệ lao động qua đào tạo trên 65%.

- Phân đấu đến năm 2020 có trên 80% số xã có bác sĩ; 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; xây dựng một số trung tâm y tế khu vực chất lượng cao tại Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ, Lào Cai đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo; các chương trình quốc gia về xoá đói, giảm nghèo bền vững, phấn đấu hằng năm giảm bình quân 3 - 4% hộ nghèo.

d) Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn trọng yếu. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh cả về cơ sở vật chất, vũ khí, khí tài và lực lượng; xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng theo quy hoạch; thực hiện tốt việc xây dựng các tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh trên địa bàn, chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ; chống lợi dụng dân tộc, tôn giáo, tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm. Quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng.

e) Về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước cũng như các tỉnh trong vùng thống nhất nhận thức về yêu cầu quan trọng và cấp bách của việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, không chỉ là nhiệm vụ của các địa phương trong vùng mà còn là nhiệm vụ chung của cả nước, để từ đó tích cực tham gia, phối hợp thực hiện tốt.

- Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu. Xây dựng hệ thống chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp theo hướng gần dân, sát cơ sở, thực sự vì quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên.

2.4- Các giải pháp chủ yếu

- Sớm hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh trong vùng. Quy hoạch tổng thể

phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng phải hướng vào khai thác tối đa mọi tiềm năng, thế mạnh của từng tỉnh và của cả vùng, bảo đảm sự phát triển gắn kết, hài hoà giữa các tỉnh, tạo thành không gian kinh tế vùng liên hoàn, hợp lý.

- Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù, trọng tâm là những cơ chế, chính sách nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng như : cơ chế, chính sách và pháp luật về đất đai, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, giữ đất trồng lương thực, dành đất để làm thủy điện, công nghiệp, đô thị; các cơ chế, chính sách về tài chính, nhất là đối với các tỉnh nghèo, đối tượng nghèo, đồng bào dân tộc; chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; các cơ chế, chính sách về khai thác và huy động tối đa các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế và các nguồn ngoài ngân sách cho đầu tư phát triển; chính sách phát triển giáo dục phổ thông và đào tạo nguồn nhân lực; chính sách về phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ rừng...

3- Tổ chức thực hiện

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo, điều hành việc cụ thể hoá và triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận này. Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tỉnh uỷ vùng trung du và miền núi Bắc Bộ cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch để tiếp tục lãnh đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết và Kết luận này.

- Ban Chỉ đạo Tây Bắc phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng ở Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ đơn đốc, theo dõi, kiểm tra; giám sát các bộ, ban, ngành, đoàn thể và các tỉnh trong vùng tổ chức thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận này và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ.

Nơi nhận :

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ.
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Lê Hồng Anh